

## Unit 1. My hobby

### SPEAKING

Act as..... | Đóng vai.....

1.

P8/GS/A1

Act as.....	Trang:	Ann:
Ann:	Your house is very nice, Trang.	
Trang:	Thanks! Let's go upstairs. I'll show you my room.	
Ann:	I love your dollhouse. It's amazing. Did you make it yourself?	
Trang:	Yes. I like building dollhouses very much.	
Ann:	Really? Is it hard to build one?	
Trang:	Not really. All you need is some cardboard and glue. Then just use a bit of creativity. What do you do in your free time?	
Ann:	I like horse riding.	
Trang:	That's rather unusual. Not many people do that.	
Ann:	Actually, it's more common than you think. There are some horse riding clubs in Ha Noi now. I go to the Riders' Club every Sunday.	
Trang:	I'd love to go to your club this Sunday. I want to learn how to ride.	
Ann:	Sure. My lesson starts at 8 a.m.	

People divide hobbies into four big groups: doing things, making things, collecting things, and learning things . Gardening belongs to the most popular group - doing things .

Gardening is one of the oldest outdoor activities . It has something for everyone, even for children . Gardening teaches children about flowers, fruits, and vegetables . They can also learn about insects and bugs . When gardening, children learn to be patient and take on responsibility . They learn to wait for the plants to grow to maturity . And if they don't water their plants, their plants will die . This teaches them valuable lessons about responsibility .

Gardening is also good because everyone in the family can join in and do something together . My mum and I love gardening . We usually spend an hour a day in our garden . It really makes us happy, and we love spending time together .

**\*Complete each sentence with no more than three words.**

- 1) Gardening belongs to the group of **doing things**.
- 2) Gardening teaches children about flowers, fruits, vegetables, **insects and bugs**.
- 3) Gardening makes children become **patient** and responsible.
- 4) It is an activity that everyone in the family can **join in**.
- 5) The author and her mother usually garden for **an hour** a day.

Act as....	Trang:	Lan:
Lan:	Today we'll talk about hobbies. I know that your hobby is building dollhouses. It's quite unusual, isn't it?	
Trang:	Not really. A lot of girls like it.	
Lan:	When did you start doing this?	
Trang:	Three years ago. I read an article about building dollhouses. I loved the idea right away.	
Lan:	Do any of your friends or relatives build dollhouses too?	
Trang:	Yes, my cousin Mi loves building them too.	
Lan:	Is it hard to build a dollhouse?	
Trang:	No, it isn't. I use cardboard and glue to build the house and make the furniture. Then I make the dolls from cloth. Finally, I decorate the house.	
Lan:	What are the benefits of the hobby?	
Trang:	Well, I'm more patient and creative now.	

### \*NOTE

1

• very	(adv)	rất
• nice = beautiful = pretty	(adj)	đẹp
• Let's...		Hay
• upstairs	(adv)	lên tầng, lên cầu thang, ở tầng trên
	(adj)	ở tầng trên
	(n)	gác, lầu, tầng trên

• show	(v)	chỉ, cho xem, cho thấy, trưng bày...
• dollhouse(s)	(n)	nhà búp bê
• amazing = wonderful = great	(adj)	tuyệt vời
• make	(v)	làm, tạo
• yourself	(pro.n)	tự bạn, chính bạn
• very much	(adv.phrase)	rất nhiều
• really	(adv)	thực, thật, thực ra
• Really?		Thật không?
• hard = difficult = tough	(adj)	khó, khó khăn,
• one	(pro,n)	cái đó, người đó
• Not really.		Không hẳn là thế.
• all	(pro.n)	tất cả
• some	(deter)	một vài, một số, một chút
• cardboard	(n)	bìa cứng, bìa cát tông
• glue	(n)	keo dán
• then	(adv)	sau đó
• just	(adv)	chỉ, đơn giản là
• a bit of...	(deter)	một chút...
• creativity	(n)	sự sáng tạo
• that	(pro.n)	cái đó, điều đó
• rather = quite = pretty	(adv)	khá, hơi

• unusual	(adj)	lạ, khác thường
• actually	(adv)	thực sự
• common	(adj)	phổ biến, chung
• every	(deter)	mỗi, mọi
• this.....	(deter)	.....này
• every Sunday	(n.phrase)	mỗi Chủ Nhật
• this Sunday	(n.phrase)	Chủ Nhật này
• learn how to do sth	(v)	học cách làm gì đó
• Sure.		Chắc chắn rồi.
• lesson(s)	(n)	bài học, lời khuyên
• start = begin	(v)	bắt đầu

2

• divide sth into sth	(v)	chia cái gì đó thành...
• group(s)	(n)	nhóm
• thing(s)	(n)	thứ, cái, đồ, vật, việc
• belong to...	(v)	thuộc về...
• popular	(adj)	phổ biến, nổi tiếng
• oldest	(adj)	lâu đời nhất, già nhất, cũ nhất
• outdoor	(adj)	ngoài trời, ở ngoài
• activity/activities	(n)	hoạt động
• something	(pro.n)	cái/điều/việc gì đó

• for sb/sth	(prep)	phù hợp với...
• everyone = everybody	(pro.n)	mọi người, mỗi người
• even	(adv)	thậm chí
• child/children	(n)	đứa trẻ, đứa con
• teach sb about sth	(v)	dạy ai đó cái gì đó
• flower(s)	(n)	hoa
• fruit(s)	(n)	trái cây
• vegetables	(n)	rau
• insect(s)	(n)	côn trùng
• bug(s)	(n)	sâu bọ
• to be/V	(prep)	để.....
• patient	(adj)	kiên nhẫn
• take on responsibility (for sth)	(v.phrase)	chịu/có trách nhiệm
• responsible (for sth)	(adj)	
• wait for sb/sth	(v.phrase)	chờ/đợi ai đó/cái gì đó
• grow	(v)	lớn lên, trưởng thành
• maturity	(n)	sự trưởng thành
• grow to maturity	(v.phrase)	lớn lên cho đến khi trưởng thành
• if	(conj)	nếu
• water	(v)	tưới nước
• die	(v)	chết, mất, qua đời

• this	(pro.n)	điều này, cái này, việc này
• they/them	(pro.n)	họ
• valuable = helpful	(adj)	bổ ích, có ích
• about...	(prep)	về...
• responsibility/responsibilities	(n)	trách nhiệm, sự chịu trách nhiệm
• also	(adv)	cũng
• join in	(v.phrase)	tham gia vào
• together	(adv)	nhau, cùng nhau, lẫn nhau, với nhau
• spend	(v)	dành, tiêu, xài
• make sb + adj	(v)	khiến/làm ai đó như thế nào đó
• author(s)	(n)	tác giả

### 3

• know	(v)	biết
• that...	(conj)	rằng...
• article(s)	(n)	bài báo
• idea(s)	(n)	ý tưởng, ý kiến
• right away	(adv.phrase)	ngay lập tức, ngay tức thì
• any (of)...	(deter)	bất kỳ.....
• ...too	(adv)	cũng
• cousin(s)	(n)	anh/chị/em họ
• furniture	(n)	nội thất

● from...	(prep)	từ...
● cloth	(n)	vải
● finally	(adv)	cuối cùng
● decorate	(v)	trang trí
● benefit(s)	(n)	lợi ích, phúc lợi
● well	(filler)	(không có nghĩa)
● creative	(adj)	sáng tạo